

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HƯỚNG HOÁ  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 17-12-2020.  
"Về việc không công nhận vợ  
chồng"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HOÁ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Gia Bằng.

Ông Lê Thanh Trung.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Tú Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1966; địa chỉ: 28/13 Phạm Văn Đồng, khóm T, thị trấn L, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; Có mặt.

***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1965; địa chỉ: 28/13 Phạm Văn Đồng, khóm T, thị trấn L, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn V tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1990 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hai người sống

bình thường nhưng 04 năm trở lại đây hai người thường xuyên cãi nhau, gây gổ nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến nhiều mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống không thể kéo dài nên bà Nguyễn Thị D làm đơn có nguyện vọng được ly hôn.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn V có 02 con chung tên: Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 01/6/1992 và Nguyễn Cẩm T, sinh ngày 01/6/1996, các con đã trưởng thành và có việc làm ổn định nên bà Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông V và bà D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa hai người sống bình thường nhưng những năm trở lại đây cuộc sống của hai người thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, gây gổ nhau, bất đồng quan điểm sống, thấy cuộc sống không thể kéo dài nên ông V cũng có nguyện vọng được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên: Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 01/6/1992 và Nguyễn Cẩm T, sinh ngày 01/6/1996, các con đã trưởng thành và có việc làm ổn định nên ông Nguyễn Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ gồm có: Đơn xin xác nhận về việc không đăng ký kết hôn; bản sao giấy khai sinh của các con; bản sao giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị D; Bản sao sổ hộ khẩu tên chủ hộ Nguyễn Văn V; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 27/11/2020.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn V, ông V có nơi cư trú tại khóm Trung Chín, thị trấn L, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, nên Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy xác nhận của UBND thị trấn L, huyện Hướng Hóa, ngày 10/11/2020 và của UBND xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, ngày 03/12/2020 thì bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn V bắt đầu tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng

ký kết hôn theo quy định là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay trong quá trình chung sống bà D và ông V thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, gây gổ nhau nên bà Nguyễn Thị D xin ly hôn ông Nguyễn Văn V. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn V.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn V có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 01/6/1992 và Nguyễn Cẩm T, sinh ngày 01/6/1996, các con đã trưởng thành và có việc làm ổn định nên bà Dững và ông V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn V.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001832 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hoá. Bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hướng Hóa.
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện H.Hóa;
- UBND thị trấn Lao Bảo;
- Lưu tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Trung**